

Bản án số: 126/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2022

V/v “Không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Phạm Lan Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Lệ Hoa

2. Bà Quách Thùy Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Thanh D – sinh năm 1971 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M – sinh năm 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ: xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh D trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà M tự nguyện chung sống với nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra bất đồng ý kiến, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hạnh phúc không còn nên ông bà đã ly thân khoảng 03 năm nay nên ông D yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt mối quan hệ chung sống như vợ chồng với bà M.

Về con chung: Có 2 con chung tên Huỳnh Thị Linh, sinh năm 1992 và Huỳnh Chí Linh, sinh năm 1994. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông D xác định ông bà không nợ ai và không ai nợ lại ông bà nên

không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà M thống nhất với trình bày của ông D về thời điểm chung sống với nhau, về nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tại phiên tòa hôm nay bà M có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: bà M thống nhất chấm dứt mối quan hệ chung sống như vợ chồng với ông D.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M xác định vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ lại ông bà nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Huỳnh Thanh D khởi kiện yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với bị đơn là bà Nguyễn Thị M. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Bà M có nơi cư trú tại xã L, huyện B, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh D và bà Nguyễn Thị M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà M chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông D và bà M có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Huỳnh Thanh D và bà Nguyễn Thị M là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 2 con chung tên Huỳnh Thị Linh, sinh năm 1992 và Huỳnh Chí Linh, sinh năm 1994, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông D và bà M tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông D và bà M xác định trong quá trình chung sống ông bà không nợ ai và cũng không ai nợ lại ông bà nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông D phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh D. Không công nhận ông Huỳnh Thanh D và bà Nguyễn Thị M là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Thanh D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 01 tháng 6 năm 2022 ông D có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0015007 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu và đối trừ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Ông D và bà M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Huỳnh Phạm Lan Chi**